

Bản án số: 26/2026/HS-ST

Ngày: 07-7-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến.

Ông Lê Quang Đây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Tuyết N (tên gọi khác: Không có), sinh năm 1975 tại **xã T, tỉnh Cà Mau**; nơi cư trú: **Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Văn D** và bà **Nguyễn Thị V**; bị cáo không có chồng, **con**.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2026 đến nay Trại tạm giam số 01 **Công an tỉnh C** cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Bà **Đoái Phượng L**, sinh năm 1964; Địa chỉ: **Ấp F, xã N, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị Phượng L1**, sinh năm 1975; Địa chỉ: **Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau** (xin vắng mặt).

- Bà **Trương Mỹ T**, sinh năm 1966; Địa chỉ: **Ấp G, xã T, tỉnh Cà Mau** (xin

vắng mặt).

- Bà **Võ Thu T1**, sinh năm 1964; Địa chỉ: **Ấp T, xã Đ, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).
- Bà **Lư Thị Hồng G**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau** (xin vắng mặt).
- Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau** (xin vắng mặt).
- Bà **Lâm Thị M**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau**; (xin vắng mặt).
- Bà **Hồ Thị Phi N1**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Ấp H, xã T, tỉnh Cà Mau** (xin vắng mặt).
- Bà **Hà Thị R**, sinh năm 1983; Địa chỉ: **Ấp E, xã T, tỉnh Cà Mau** (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2016 đến năm 2023, **Lê Tuyết N** mở nhiều dây hội, có nhiều hội viên tham gia, trong đó đã mất nhiều dây hội, còn lại 03 dây hội 500.000 đồng, các dây hội này **N** không có lập danh sách hội viên, nhưng có mở sổ theo dõi việc bỏ thăm và hốt hội. Hình thức hội nửa tháng khai 01 lần (khai vào ngày 15 và ngày 30 âm lịch), mỗi kỳ khai hội các hội viên phải đến nhà **N** bỏ thăm kín, hội viên bỏ thăm giá tiền cao nhất sẽ được hốt hội. Mỗi lần giao tiền hội, hội viên hốt hội trả tiền hoa hồng (tiền cò) cho **N**, với số tiền 350.000 đồng.

N đã lợi dụng sự tin tưởng của hội viên và hội viên không đi bỏ thăm đề tự ý bỏ thăm, hốt và chiếm đoạt tiền của hội viên. Ngoài ra, **N** còn gian dối bán khống 03 chân hội để chiếm đoạt tiền của người mua hội ở 02 dây hội. Đến ngày 10/11/2023 (nhằm ngày 27/9/2023 ÂL) **N** mất khả năng chi trả tiền cho các hội viên nên tuyên bố đình hội. Cụ thể như sau:

- **Dây hội thứ nhất:** Mở ngày 15/01/2022 ÂL, tổng số 45 chân, dây hội khai được 42 kỳ thì đình hội, còn 03 kỳ chưa khai. Dây hội này **N** không có tham chân hội nào, hội viên hốt 35 chân; **N** đã tự ý bỏ thăm hốt 07 chân gồm: Kỳ khai hội **thứ 4**, khai ngày 29/02/2022 ÂL (do tháng 02 không có ngày 30), kỳ khai hội **thứ 9** khai ngày 15/5/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 12** khai ngày 30/6/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 13** khai ngày 15/7/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 17** khai ngày 15/9/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 18** khai ngày 30/9/2022 ÂL, **N** tự ý bỏ thăm hốt hội, nhưng không nhớ lấy tên hội viên nào, **N** bỏ thăm, chiếm đoạt số tiền 124.175.000 đồng

Trong dây hội này còn 05 (năm) hội viên với 10 (mười) chân hội sống đã đóng đủ 42 kỳ với tổng số tiền thực tế là 162.730.000 đồng.

- (1) Nguyễn Thị Phượng L1 03 chân số tiền 48.819.000 đồng
- (2) Hà Thị R 02 chân số tiền 32.546.000 đồng
- (3) Đoái Thị P Liễu 03 chân số tiền 48.819.000 đồng
- (4) Hồ Thị Phi N1 01 chân số tiền 16.273.000 đồng
- (5) Trương Mỹ T 01 chân số tiền 16.273.000 đồng

Ngoài ra, trong dây hội này, Lê Tuyết N còn bán không 02 chân hội cho hội viên Đoái Phượng L tại kỳ hội số 1 với số tiền bỏ hội là 120.000 đồng, chiếm đoạt tổng số tiền **34.200.000** đồng.

Tổng số tiền chiếm đoạt của Lê Tuyết N trong dây hội này là **158.375.000** đồng.

- **Dây hội thứ hai:** Mở ngày 15/4/2022 ÂL, tổng số 44 chân, dây hội khai được 36 kỳ thì đình hội, còn 08 kỳ chưa khai. Dây hội này N không có tham chân hội nào, hội viên hót 28 chân; N đã tự ý bỏ thăm hót 08 chân, gồm: Kỳ khai hội **thứ 3** khai ngày 15/5/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 6** khai ngày 30/6/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 7** khai ngày 15/7/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 8** khai ngày 30/7/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 9** khai ngày 15/8/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 10** khai ngày 30/8/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 12** khai ngày 30/9/2022 ÂL, kỳ khai hội **thứ 13** khai ngày 15/10/2022 ÂL. Các kỳ khai hội N tự ý bỏ thăm hót hội, nhưng không nhớ lấy tên hội viên nào, tổng số tiền chiếm đoạt số tiền **132.343.000** đồng.

Trong dây hội này còn 08 (tám) hội viên với 16 (mười sáu) chân hội sống đã đóng đủ 36 kỳ với tổng số tiền thực tế là 213.291.000 đồng.

- (1) Nguyễn Thị P1 Linh05 chân số tiền 66.730.000 đồng
- (2) H1 chân số tiền 40.038.000 đồng
- (3) Đoái Thị P Liễu01 chân số tiền 13.346.000 đồng
- (4) Lăm Thị M1 chân số tiền 26.692.000 đồng
- (5) Trương Mỹ Thu01 chân số tiền 13.346.000 đồng
- (6) Võ Thu T1 01 chân số tiền 13.346.000 đồng
- (7) Nguyễn Thị Q 02 chân số tiền 26.692.000 đồng
- (8) Lư Thị Hồng G 01 chân số tiền 13.010.000 đồng

Ngoài ra, trong dây hội này, Lê Tuyết N còn bán không 01 (một) chân hội cho hội viên Đoái Phượng L tại kỳ hội số 1 với số tiền bỏ hội là 120.000 đồng, chiếm đoạt tổng số tiền **16.720.000** đồng.

Tổng số tiền chiếm đoạt của **Lê Tuyết N** trong đây hội này là **149.063.000** đồng.

Như vậy, **Lê Tuyết N** đã hốt không 15 chân hội của hội viên để chiếm đoạt số tiền 256.518.000 đồng và bán không 03 chân hội cho hội viên với số tiền 50.920.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 307.438.000 đồng

Hiện tại, về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm hình sự: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKSCMU-KV5 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cà Mau đã truy tố đối với bị cáo **Lê Tuyết N** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự, về tình tiết tăng nặng áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; tình tiết giảm nhẹ áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù; về tang vật và trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong.

Bị cáo **Lê Tuyết N2** không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố, trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra **Công an tỉnh C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Cà Mau, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 31/3/2022 (nhằm ngày 29/01/2022 ÂL) đến ngày 08/11/2022 (nhằm ngày 15/10/2022 ÂL) **Lê Tuyết N** đã lợi dụng các hội viên không trực tiếp đến nhà bỏ thăm hốt hội, bị cáo dung thủ đoạn gian dối tự ý hốt 15 (mười lăm) chân hội và bán không 03 (ba) chân hội để chiếm đoạt tổng số tiền 307.438.000 (*Ba trăm lẻ bảy triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn*) đồng của các hội viên nhằm mục đích sử dụng cá nhân, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy, hành vi của bị cáo **Lê Tuyết N** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân mà bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Để có căn cứ quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội nhiều lần, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo và gia đình đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”, do đó bị cáo **N** còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) tập học sinh, ghi số chân hội, dây hội, người tham gia và người hốt hội được đánh số thứ tự từ 01 đến 72; 01 (một) tập học sinh ghi số chân hội, dây hội, người tham gia và người hốt hội được đánh số thứ tự từ 01 đến 52 có chữ ký của **Lê Tuyết N2**.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại đã nhận lại tiền, không yêu cầu bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với bà Lê Thị T2 “bà T2”, bà Lê Thị P2 “bà Năm P3, ông Lê Văn H “3 Hoàng”, bà Nguyễn Thị L2 “Nguyễn Thị L2”, ông Trương Công Đ, bà Hứa Chúc L3, bà Trương Thị T3, bà Trần Hoa P4, ông Huỳnh Thanh T4, bà Nguyễn Thị B, bà Huỳnh Thúy N3, bà Ngô Chúc L4 có tham gia dây hui do bị cáo N mở, quá trình điều tra, truy tố không làm việc được nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[8]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về áp dụng điều luật, tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Tuyết N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Tuyết N 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 01 năm 2026.

Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại đã nhận lại tiền, không yêu cầu bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu lưu giữ hồ sơ vụ án 01 (một) tập học sinh ghi số chân hui, dây hui, người tham gia và người hốt hui được đánh số thứ tự từ 01 đến 72; 01 (một) tập học sinh, ghi số chân hui, dây hui, người tham gia và người hốt hui được đánh số thứ tự từ 01 đến 52 có chữ ký của Lê Tuyết N2.

Về án phí: Bị cáo Lê Tuyết N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày

tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác.
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Công an tỉnh Cà Mau.
- Trại tạm giam số 01 Công an tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Diệu Hiền